TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05**/2020/DS-ST
Ngày: 12/8/2020
Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan, bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương*, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Nhiệm- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2020/TLST-DS ngày 19/3/2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-DS ngày 14/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-DS ngày 30/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961.
Địa chỉ: Số 13/374 N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1986.
Địa chỉ: Số 51/3 T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Anh Vũ Hoàng L, sinh năm 1976.
Địa chỉ: Số 51/3 T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.
- Anh Đặng Huy T, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Số 3/21/77 N, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.
- Anh Đặng Huy S, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Số 13/374 N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Tại phiên tòa có mặt bà C, chị Q; vắng mặt anh L, anh T, anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày: Do có quen biết từ trước nên ngày 13/5/2018 âm lịch bà đã cho chị Nguyễn Thị Q vay số tiền 50.000.000đ để buôn bán hoa quả và lo cho em trai đi nước ngoài, thời hạn cho vay là 03 tháng, lãi suất vay là 1%/tháng. Chị Q trực tiếp viết, ký "Giấy vay tiền" và đã nhận đủ số tiền vay 50.000.000đ. Hết thời hạn cho vay, bà nhiều lần đòi nhưng chị Q không trả nợ nên bà đã ủy quyền cho hai con là Đặng Huy T, Đặng Huy S thay mặt bà đến đòi và nhận tiền trả nợ của chị Q. Ngày 30/11/2018 âm lịch, anh Vũ Hoàng L *(chồng chị Q)* gặp anh T viết "Giấy biên nhận trả nợ" và nhận trách nhiệm trả nợ hộ Q 5.000.000đ/tháng. Ngày 30/12/2018 âm lịch, anh L nhờ bạn đưa cho anh T số tiền 5.000.000đ để trả nợ cho bà. Sau đó anh L, chị Q không trả cho bà khoản tiền nào nữa. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh L, chị Q phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 45.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 08/6/2020 là 12.000.000đ và tiền lãi từ ngày 09/6/2020 đến khi Tòa án xét xử vụ án.

Tại bản tự khai và trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị có vay của bà Nguyễn Thị C số tiền 50.000.000đ và trực tiếp viết "Giấy vay tiền" ngày 13/5/2018 âm lịch cho bà C. Hai bên thỏa thuận vay không thời hạn, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày và chị đã trả lãi đến hết ngày 30/11/2018 âm lịch. Chị sử dụng tiền vay để chi tiêu cá nhân và việc vay nợ không liên quan đến chồng chị là anh Vũ Hoàng L. Tuy nhiên sau khi biết chị vay tiền của bà C thì anh L đã thỏa thuận với anh T sẽ giúp chị trả nợ mỗi tháng 5.000.000đ tiền gốc và không phải trả lãi. Anh L có viết giấy biên nhận cho anh T. Vợ chồng chị nhiều lần trả nợ tiền gốc cho bà C thông qua anh T, anh S và một người phụ nữ ở gần nhà bà C với tổng số tiền 25.000.000đ. Vì vậy số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho bà C là 25.000.000đ. Chị không nhất trí yêu cầu được thanh toán tiền lãi của bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

Anh Đặng Huy S trình bày: Năm 2017, chị Q thường xuyên vay tiền của mẹ anh là bà Nguyễn Thị C để kinh doanh hoa quả và thỉnh thoảng có nhờ anh cầm hộ tiền trả cho bà C. Sau đó anh đi làm xa nên không biết việc bà C cho chị Q vay số tiền 50.000.000đ vào ngày 13/5/2018 âm lịch. Khi được bà C nhờ thì anh có gọi điện nhắc chị Q trả nợ cho bà C. Từ năm 2018 đến nay, chị Q không gửi anh khoản tiền nào để trả nợ cho bà C và anh không biết chồng chị Q là ai. Số tiền 50.000.000đ cho chị Q vay là tài sản riêng của bà C nên anh không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan trong vụ án.

Anh Đặng Huy T trình bày: Sau khi nghe mẹ anh là bà Nguyễn Thị C kể lại việc cho chị Q vay 50.000.000đ có viết giấy vay tiền nhưng chị Q không trả nợ

thì anh có xin số điện thoại và gọi điện nhắc vợ chồng chị Q, anh L trả nợ cho bà C. Ngày 30/11/2018 âm lịch, anh L viết "Giấy biên nhận trả nợ" và cam kết sẽ trả mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi trả hết số nợ 50.000.000đ mà chị Q đã vay. Sau đó anh L nhờ một người bạn đưa cho anh số tiền 5.000.000đ và anh đã đưa lại số tiền này cho bà C. Từ đó đến nay, anh L, chị Q không đưa cho anh khoản tiền nào khác để trả cho bà C. Số tiền 50.000.000đ cho chị Q vay là tài sản riêng của bà C.

Anh Vũ Hoàng L trình bày: Khi biết Q phải trả lãi hàng ngày cho bà C với mức lãi suất cao là 5.000đ/1 triệu/1 ngày và sau đó bà C ủy quyền cho anh T, anh S đến gây áp lực trả nợ nhiều lần thì anh đã thỏa thuận với anh T sẽ trả nợ hộ Q mỗi tháng 5.000.000đ tiền gốc và không phải trả lãi. Anh có viết "Giấy biên nhận trả nợ" ghi ngày 30/11/2018 âm lịch và đưa cho anh T giữ. Ngày 30/12/2018 âm lịch, anh đã trả cho bà C thông qua anh T số tiền 5.000.000đ; các tháng tiếp theo tuy không trả đủ số tiền 5.000.000đ/tháng theo thỏa thuận nhưng vợ chồng anh vẫn trả nợ cho bà C, có tháng trả 3.000.000đ, có tháng trả 2.000.000đ. Tổng số tiền nợ gốc vợ chồng anh đã trả cho bà C là 25.000.000đ nhưng vì tin tưởng nên không viết giấy tờ gì. Hiện việc làm ăn của anh gặp khó khăn, không có điều kiện để tiếp tục trả nợ hộ Q. Mặt khác số tiền Q vay của bà C không sử dụng vào việc chi tiêu chung của gia đình và anh không được trao đổi, bàn bạc về việc vay tiền của bà C nên đây là nợ riêng của Q với bà C, không phải nợ chung vợ chồng. Vì vậy anh không có nghĩa vụ gì với bà C nên không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà C.

Tại phiên tòa: Bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị Q trình bày có viết "Giấy vay tiền" cho bà C với số tiền vay là 50.000.000đ nhưng thực tế chị chỉ vay của bà C 20.000.000đ, số tiền còn lại là tiền chơi họ, tiền lãi chưa thanh toán từ trước cộng dồn đến ngày 13/5/2018 âm lịch. Chị đã thanh toán cho bà C tổng số tiền gốc là 25.000.000đ và thanh toán tiền lãi đến hết ngày 30/11/2018 âm lịch với mức 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Số tiền vay của bà C là nợ riêng của chị, không liên quan đến anh L.

Đại diện Viện kiểm sát xác định Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân theo và chấp hành đúng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Q phải thanh toán cho bà C tổng số tiền gốc và lãi là 56.853.300đ. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật và hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về số tiền nợ gốc chưa thanh toán*: Bà Nguyễn Thị C trình bày cho chị Nguyễn Thị Q vay số tiền 50.000.000đ, thời hạn cho vay là 03 tháng. Tại bản tự khai và biên bản đối chất (BL 30, 57), chị Q thừa nhận vay của bà C 50.000.000đ không kỳ hạn và thừa nhận có viết, ký "Giấy vay tiền" cho bà C. Tại biên bản hòa giải (BL 68) và tại phiên tòa, chị Q trình bày số tiền 50.000.000đ ghi tại "Giấy vay tiền" gồm 20.000.000đ tiền vay và tiền chơi họ, tiền lãi chưa thanh toán từ trước cộng dồn đến ngày 13/5/2018 âm lịch nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Kiểm tra tài liệu là "Giấy vay tiền" ghi ngày 13/5/2018 âm lịch thể hiện số tiền vay là 50.000.000đ; thời hạn vay từ ngày 13/5/2018 âm lịch đến ngày 13/8/2018 âm lịch; chị Q ký tên dưới mục người vay và xác nhận *"Tôi đã nhận đủ số tiền trên"*. Vì vậy có căn cứ xác định số tiền gốc bà C cho chị Q vay là 50.000.000đ và đây là khoản vay có kỳ hạn. Kỳ hạn vay đã kết thúc nên bà C khởi kiện yêu cầu được thanh toán tiền nợ là phù hợp quy định pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Q, anh Vũ Hoàng L trình bày nhiều lần trả nợ gốc cho bà Nguyễn Thị C thông qua anh Đặng Huy T, anh Đặng Huy S và một người phụ nữ *(không biết họ tên, địa chỉ)* ở gần nhà bà C với tổng số tiền là 25.000.000đ nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nội dung này. Anh S trình bày không biết anh L là ai và từ năm 2018 đến nay anh không nhận của chị Q khoản tiền nào để trả cho bà C. Anh T xác định chỉ nhận của anh L số tiền 5.000.000đ. Vì vậy trình bày của bà C về số tiền nợ gốc chưa được thanh toán 45.000.000đ là có cơ sở và được chấp nhận.

[3] *Về số tiền lãi chưa thanh toán*: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định việc cho vay có tính lãi nhưng trình bày mâu thuẫn về lãi suất. Chị Q trình bày đã trả lãi cho bà C từ ngày vay đến ngày 30/11/2018 âm lịch với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày và các bên thỏa thuận không tính lãi kể từ ngày 30/11/2018 âm lịch đối với số tiền chị vay của bà C nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Bà C trình bày cho chị Q vay tiền với lãi suất 1%/tháng và chưa được thanh toán khoản tiền lãi nào. HĐXX nhận thấy các bên thỏa thuận về lãi suất vay tại "Giấy vay tiền" là 1%/tháng tương đương 12%/năm phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên trình bày của bà C là có căn cứ và được chấp nhận. Vì bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi nào nên số tiền lãi phát sinh gồm: Tiền lãi từ ngày vay 13/5/2018 âm lịch *(tương ứng với*

ngày 26/6/2018 dương lịch) đến hết ngày 29/12/2018 âm lịch *(tương ứng với ngày 03/02/2019 dương lịch)* = 50.000.000đ x 1%/tháng x 07 tháng 08 ngày = 3.633.300đ. Tiền lãi từ ngày 04/02/2019 đến hết ngày 11/8/2020 = 45.000.000đ x 1%/tháng x 18 tháng 08 ngày = 8.220.000đ. Tại phiên tòa, bà C trình bày số tiền lãi chưa được thanh toán 12.000.000đ là do cách tính của bà có sai sót và đồng ý với số liệu mà HĐXX đã tính. Vì vậy xác định tổng số tiền lãi chưa thanh toán là 11.853.300đ.

[4] *Người có nghĩa vụ thanh toán*: Nguyên đơn, bị đơn thống nhất trình bày khi xác lập giao dịch vay tiền thì không có mặt anh L. Chị Q xác nhận không trao đổi, bàn bạc với anh L về việc vay tiền của bà C và không sử dụng tiền vay của bà C để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Việc anh L thỏa thuận sẽ có trách nhiệm trả nợ thay chị Q không phải là căn cứ xác lập nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, anh L không đồng ý cùng chị Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà C. Vì vậy xác định đây là nợ riêng của chị Q và chị Q phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà C.

[5] *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466; 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

Buộc chị Nguyễn Thị Q phải thanh toán trả bà Nguyễn Thị C số tiền **56.853.300đ** *(năm mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ba nghìn ba trăm đồng)* gồm tiền nợ gốc là 45.000.000đ, tiền nợ lãi là 11.853.300đ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 2.842.700đ *(hai triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.550.000đ *(một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng)* theo các biên lai số AA/2018/0001022 ngày

18/3/2020 và số AA/2018/0001205 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hải Dương;
- Chi cục THADS thành phố Hải Dương;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

Quách Thị Phương Thúy